

Quy Nhơn, ngày 13 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH TẠI ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2023 của Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hình đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 thông qua (Nghị quyết số 367/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/3/2023) và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2023. Qua một năm triển khai thực hiện, kết quả đạt được như sau:

A. Về sản xuất kinh doanh:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

Bảng số 01:

TT	TÌNH HÌNH THỦY VĂN (Đến ngày 31/12/2022)	
1	Nhà máy Vĩnh Sơn	
	Lưu lượng nước về bình quân (m ³ /s)	19,93 m ³ /s
	Mức nước Hồ A (m)	775,28/ 775 m
	Mức nước Hồ B (m)	826,31/ 826 m
	Mức nước Hồ C (m)	981,19/ 981 m
	Tổng dung tích tồn (triệu m ³)	141,99 triệu m ³ , đạt 100% dung tích hữu ích
2	Nhà máy Sông Hình	
	Lưu lượng nước về bình quân (m ³ /s)	81,11 m ³ /s
	Mức nước Hồ (m)	209/ 209 m
	Tổng dung tích tồn (triệu m ³)	323,53 triệu m ³ , đạt 100% dung tích hữu ích
3	Nhà máy Thượng KonTum	
	Lưu lượng nước về bình quân (m ³ /s)	29,79 m ³ /s
	Mức nước Hồ (m)	1.160,00/ 1.160 m
	Tổng dung tích tồn (triệu m ³)	103,04 triệu m ³ , đạt 100% dung tích hữu ích

Kết quả thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty như sau:

1. Về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Bảng số 02-VSSH: Kết quả SXKD đạt được năm 2023 Nhà máy Vĩnh Sơn – Sông Hình

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023 (VSSH)	Thực hiện năm 2023 (VSSH)	Thực hiện năm 2022 (VSSH)	So với kế hoạch năm (%)	So với cùng kỳ (%)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(2)	(6)=(3)/(4)
1	Điện sản xuất (tr kwh)	860.32	848.06	1,025.47	98.57	82.70
2	Điện thương phẩm (tr kwh)	850.00	839.95	1,015.54	98.82	82.71
3	Doanh thu (tỷ đồng)	777.70	777.18	896.30	99.93	86.71
3.1	Doanh thu từ sản xuất điện (tỷ đồng)	772.20	771.79	890.40	99.95	86.68
3.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính và dịch vụ khác (tỷ đồng)	5.50	5.39	5.90	98.04	91.39
4	Tổng chi phí (tỷ đồng)	289.70	292.21	431.68	100.86	67.69
4.1	Chi phí sản xuất điện (tỷ đồng)	284.88	289.41	328.22	101.59	88.18
4.2	Chi phí tài chính và khác (tỷ đồng)	4.81	2.79	103.46	58.00	2.70
5	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	488.00	484.98	464.62	99.38	104.38
6	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	390.40	386.54	349.63	99.01	110.56

Bảng số 03- TKT: Kết quả SXKD đạt được năm 2023 Nhà máy Thượng KonTum

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023 (TKT)	Thực hiện năm 2023 (TKT)	Thực hiện năm 2022 (TKT)	So với kế hoạch năm (%)	So với cùng kỳ (%)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(2)	(6)=(3)/(4)
1	Điện sản xuất (tr kwh)	1,303.51	1,370.47	1,590.68	105.14	86.16
2	Điện thương phẩm (tr kwh)	1,282.00	1,353.98	1,571.38	105.61	86.17
3	Doanh thu (tỷ đồng)	1,679.75	1,800.46	2,198.32	107.19	81.90
3.1	Doanh thu từ sản xuất điện (tỷ đồng)	1,679.75	1,799.55	2,194.24	107.13	82.01
3.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính và dịch vụ khác (tỷ đồng)	-	0.91	4.08	-	22.38
4	Tổng chi phí (tỷ đồng)	1,214.04	1,193.01	1,283.10	98.27	92.98
4.1	Chi phí sản xuất điện (tỷ đồng)	772.55	783.61	811.32	101.43	96.58
4.2	Chi phí tài chính và khác (tỷ đồng)	441.49	409.40	471.78	92.73	86.78
5	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	465.71	607.45	915.22	130.44	66.37
6	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	465.71	607.45	915.22	130.44	66.37

Bảng số 04 VSSH-TKT: Kết quả SXKD đạt được năm 2023 Nhà máy Vĩnh Sơn – Sông Hinh và Thượng KonTum

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023 (VSSH-TKT)	Thực hiện năm 2023(VSSH-TKT)	Thực hiện năm 2022 (VSSH-TKT)	So với kế hoạch năm (%)	So với cùng kỳ (%)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(2)	(6)=(3)/(4)
1	Điện sản xuất (tr kwh)	2,163.83	2,218.53	2,616.15	102.53	84.80
2	Điện thương phẩm (tr kwh)	2,132.00	2,193.94	2,586.92	102.91	84.81
3	Doanh thu (tỷ đồng)	2,457.45	2,577.65	3,094.62	104.89	83.29
3.1	Doanh thu từ sản xuất điện (tỷ đồng)	2,451.95	2,571.34	3,084.64	104.87	83.36
3.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính và dịch vụ khác (tỷ đồng)	5.50	6.31	9.98	114.64	63.18
4	Tổng chi phí (tỷ đồng)	1,503.74	1,485.21	1,714.78	98.77	86.61
4.1	Chi phí sản xuất điện (tỷ đồng)	1,057.43	1,073.02	1,139.54	101.47	94.16
4.2	Chi phí tài chính và khác (tỷ đồng)	446.31	412.19	575.24	92.36	71.66
5	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	953.71	1,092.43	1,379.84	114.55	79.17
6	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	856.11	993.99	1,264.85	116.11	78.59

Tổng sản lượng điện sản xuất năm 2023 là 2.218,53 triệu kWh đạt 102,53% so với kế hoạch và bằng 84,80% so với cùng kỳ năm trước, tổng doanh thu 2.577,65 tỷ đồng đạt 104,89% so với kế hoạch và bằng 83,29% so với cùng kỳ năm trước, tổng lợi nhuận sau thuế 993,99 tỷ đồng đạt 116,11% so với kế hoạch và bằng 78,59% so với cùng kỳ năm trước. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023 thấp hơn so với năm 2022, nguyên nhân:

- i) Lưu lượng nước về các hồ chứa các năm 2023 không thuận lợi so với 2022, năm 2023 mùa mưa tại khu vực miền Trung đến muộn và ngắn hơn so với các năm trước đây, đặc biệt là lưu vực hồ chứa tại Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn lượng nước về các hồ thấp hơn so với trung bình nhiều năm trước đây, cuối năm 2023 chỉ tích được 86,19% dung tích hữu ích;
- ii) Giá bán thị trường điện FMP bình quân năm 2023 thấp hơn so với năm 2022 (bằng 90,89% năm 2022).

Bên cạnh các điều kiện khó khăn trên, dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và tập thể người lao động Công ty đã nỗ lực cố gắng thực hiện các giải pháp đảm bảo sản xuất an toàn, cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận để đạt mục tiêu kế hoạch năm 2023 đề ra.

2. Về giảm chi phí sản xuất kinh doanh:

Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp tối ưu hóa chi phí trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, rà soát các định mức vật tư thiết bị theo đúng quy trình, quy định, số lượng, chủng loại phù hợp với nhu cầu sử dụng, không để tình trạng thừa vật tư sau sửa chữa. Đối với vật tư, thiết bị thu hồi còn sử dụng được, ưu tiên đưa vào bảo dưỡng, tái sử dụng trong quá trình sửa chữa lớn nhằm tiết giảm tối đa chi phí sửa chữa lớn (SCL).

Tiết kiệm triệt để chế độ hội nghị, công tác phí, tiếp khách, sử dụng trang bị, điện thoại, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, quản lý phương tiện vận tải, chi phí văn phòng phẩm, bảo hộ lao động, an ninh quốc phòng, công nghệ thông tin...

Tiến hành đánh giá, thanh xử lý VTTB tồn đọng, kém, mất phẩm chất nhằm giảm giá trị hàng tồn kho.

Thực hiện nghiêm túc, triệt để quy trình vận hành thiết bị trạm, đường dây, MBA, tránh các tổn thất điện năng do nguyên nhân khách quan và chủ quan gây ra ngay từ đầu năm nhằm đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu.

3. Công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật:

Trong năm 2023 đã triển khai thực hiện, nghiệm thu được 17 sáng kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh điện của Công ty.

4. Công tác An toàn lao động, vệ sinh lao động, PCCN, bảo vệ môi trường:

Công ty tổ chức thực hiện tốt các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, PCCN nên trong năm 2023 không có tai nạn lao động và sự cố cháy nổ. Thực hiện tốt công tác kiểm soát môi trường, quản lý chất thải nguy hại đúng quy định.

II. Mục tiêu, phương hướng và giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024:

Năm 2024 là năm tập trung thực hiện thi đua thắng lợi nhiệm vụ SXKD với chủ đề ***“Đoàn kết, sáng tạo, thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lập thành tích chào mừng kỷ niệm 70 năm Ngày truyền thống ngành Điện Lực Việt Nam”***. Tập trung thực hiện theo chủ đề năm, phát huy những thuận lợi về mặt cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực hiện có, cải thiện điều kiện làm việc, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

Nâng cao hiệu quả công tác quản trị, thực hiện tốt công tác cán bộ, quản lý và sử dụng lao động tối ưu, đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Tiếp tục quán triệt tối ưu hoá chi phí sản xuất trên cơ sở kết quả thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023, Ban điều hành sẽ chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng trưởng sản xuất kinh doanh, xây dựng chiến lược tối ưu hoá dòng tiền.

Thực hiện các giải pháp phù hợp để tiết giảm giá trị hàng tồn kho, chi phí SCL, dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác bằng tiền.

Tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định về quản lý và điều hành nội bộ của Công ty. Tiếp tục triển khai thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo việc làm, thu nhập, các chế độ, chính sách, chăm lo sức khỏe và đời sống cho người lao động. Triển khai, xây dựng đồng bộ quan hệ lao động hài hoà, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh trong quá trình lao động. Phát huy tinh thần dân chủ, đoàn kết nội bộ, minh bạch trong sản xuất kinh doanh. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động và các biện pháp để đảm bảo trong công tác ATLĐ, VSCN, PCCN và kiểm soát ô nhiễm môi trường.

Đẩy mạnh các giải pháp và đồng bộ tối ưu hoá nguồn lực trong công tác vận hành thị trường điện, đảm bảo đáp ứng tốt tất cả các giai đoạn của Thị trường điện Việt Nam, cố gắng đạt doanh thu cao nhất trong thị trường.

Tham gia thị trường điện có hiệu quả, đảm bảo đạt vượt mức chỉ tiêu kế hoạch doanh thu thị trường, lợi nhuận sản xuất điện mà Ban điều hành đã đề xuất.

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số đạt chất lượng theo kế hoạch.

Chủ động thực hiện công tác truyền thông, an sinh xã hội nhằm xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Tăng cường năng lực cán bộ và cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo tối ưu cho công tác vận hành các hồ chứa, sẵn sàng ứng phó trước những biến đổi khó lường của khí hậu. Điều tiết hợp lý nguồn nước giữa các hồ, đảm bảo hài hòa, hợp lý giữa công tác sản xuất điện và cấp nước cho hạ du vào mùa kiệt.

Nâng cao chất lượng vận hành và quản lý kỹ thuật, đảm bảo đạt hệ số khả dụng kế hoạch. Giảm thiểu tối đa, không để xảy ra sự cố chủ quan trong năm, phấn đấu đáp ứng 100% khả năng nhu cầu huy động của hệ thống điện quốc gia.

Tình hình thủy văn:

Bảng số 05: Tình hình thủy văn đến ngày 31/12/2023

TT	TÌNH HÌNH THỦY VĂN	
1	Nhà máy Vĩnh Sơn	
	Lưu lượng nước về bình quân (m ³ /s)	9,82 m ³ /s
	Mực nước Hồ A (m)	775,05/ 775 m
	Mực nước Hồ B (m)	824,93/ 826 m
	Mực nước Hồ C (m)	978,91/ 981 m
	Tổng dung tích tồn (triệu m ³)	118,23 triệu m ³ , đạt 86,19% dung tích hữu ích
2	Nhà máy Sông Hình	

TT	TÌNH HÌNH THỦY VĂN	
	Lưu lượng nước về bình quân (m3/s)	63,61 m3/s
	Mức nước Hồ (m)	209,00/209 m
	Tổng dung tích tồn (triệu m3)	323,53 triệu m3, đạt 100% dung tích hữu ích
3	Nhà máy Thượng KonTum	
	Lưu lượng nước về bình quân (m3/s)	25,59 m3/s
	Mức nước Hồ (m)	1.160,00 / 1.160 m
	Tổng dung tích tồn (triệu m3)	103,04 triệu m3, đạt 100% dung tích hữu ích

Căn cứ vào tình hình thủy văn cuối năm 2023 và dự báo lưu lượng nước về trong năm 2024, tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 dự báo VSH sẽ gặp nhiều khó khăn, hiện tượng El Nino kéo dài từ năm 2023 vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến tình hình thủy văn tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên trong năm 2024. Ngoài ra, chính sách vận hành thị trường điện năm 2024 có sự thay đổi so với các năm trước đây: Tỷ lệ Alpha tăng lên 98% (thanh toán theo giá hợp đồng), và việc xác định Qc thông qua sản lượng kế hoạch phương thức vận hành hàng tháng do EVN phê duyệt (Trước đây do Bộ Công thương phê duyệt kế hoạch hàng năm cho các đơn vị); việc này sẽ ảnh hưởng lớn đến tỷ lệ doanh thu tham gia thị trường điện của các nhà máy.

Với tình hình trên, Ban điều hành lập Kế hoạch SXKD năm 2024 như sau:

Bảng số 06 VSSH: Kế hoạch SXKD năm 2024 Nhà máy Vĩnh Sơn - Sông Hinh

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch Quý I/2024 (VSSH)	Kế hoạch Quý II/2024 (VSSH)	Kế hoạch Quý III/2024 (VSSH)	Kế hoạch Quý IV/2024 (VSSH)	Kế hoạch năm 2024 (VSSH)	Thực hiện năm 2023 (VSSH)	So với thực hiện năm 2023(%)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(2)+(3)+(4)+(5)	(7)	(8)=(6)/(7)
1	Điện sản xuất (tr kwh)	230.77	188.26	155.87	244.94	819.84	848.06	96.67
2	Điện thương phẩm (tr kwh)	228.00	186.00	154.00	242.00	810.00	839.95	96.43
3	Doanh thu (tỷ đồng)	150.57	124.80	100.31	159.83	535.51	778.07	68.82
3.1	Doanh thu từ sản xuất điện (tỷ đồng)	150.02	124.15	99.66	159.18	533.01	771.79	69.06
3.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính và dịch vụ khác (tỷ đồng)	0.55	0.65	0.65	0.65	2.50	6.28	39.76
4	Tổng chi phí (tỷ đồng)	70.87	68.06	63.70	75.65	278.29	293.09	94.95
4.1	Chi phí sản xuất điện (tỷ đồng)	70.17	66.84	62.48	74.48	273.97	289.41	94.66
4.2	Chi phí tài chính và khác (tỷ đồng)	0.70	1.22	1.22	1.18	4.32	3.68	117.31
5	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	79.70	56.74	36.61	84.17	257.22	484.98	53.04
6	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	63.76	45.39	29.29	67.34	205.78	386.54	53.24

Bảng số 07 TKT: Kế hoạch SXKD năm 2024 Nhà máy Thương KonTum

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch Quý I/2024 (TKT)	Kế hoạch Quý II/2023 (TKT)	Kế hoạch Quý III/2024 (TKT)	Kế hoạch Quý IV/2024 (TKT)	Kế hoạch năm 2024 (TKT)	Thực hiện năm 2023 (TKT)	So với thực hiện năm 2023(%)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(2)+(3)+(4)+(5)	(7)	(8)=(6)/(7)
1	Điện sản xuất (tr kwh)	339.60	258.26	253.18	450.43	1,301.47	1,370.47	94.97
2	Điện thương phẩm (tr kwh)	334.00	254.00	249.00	443.00	1,280.00	1,353.98	94.54
3	Doanh thu (tỷ đồng)	373.14	288.43	275.06	493.68	1,430.31	1,804.19	79.28
3.1	Doanh thu từ sản xuất điện (tỷ đồng)	373.12	288.41	275.03	493.65	1,430.21	1,799.55	79.48
3.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính và dịch vụ khác (tỷ đồng)	0.03	0.03	0.03	0.03	0.10	4.64	2.15
4	Tổng chi phí (tỷ đồng)	295.04	269.57	269.60	296.64	1,130.84	1,196.74	94.49
4.1	Chi phí sản xuất điện (tỷ đồng)	193.70	185.86	185.18	211.63	776.36	783.61	99.07
4.2	Chi phí tài chính và khác (tỷ đồng)	101.34	83.71	84.42	85.01	354.49	413.13	85.80
5	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	78.11	18.86	5.46	197.04	299.47	607.45	49.30
6	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	78.11	18.86	5.46	197.04	299.47	607.45	49.30

Bảng số 08 VSSH-TKT: Kế hoạch SXKD năm 2024 Nhà máy Vĩnh Sơn – Sông Hinh và Thương KonTum

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch Quý I/2024 (VSSH-TKT)	Kế hoạch Quý II/2024 (VSSH-TKT)	Kế hoạch Quý III/2024 (VSSH-TKT)	Kế hoạch Quý IV/2024 (VSSH-TKT)	Kế hoạch năm 2024 (VSSH-TKT)	Thực hiện năm 2023 (VSSH-TKT)	So với thực hiện năm 2023 (%)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(2)+(3)+(4)+(5)	(7)	(8)=(6)/(7)
1	Điện sản xuất (tr kwh)	570.37	446.52	409.05	695.37	2,121.31	2,218.53	95.62
2	Điện thương phẩm (tr kwh)	562.00	440.00	403.00	685.00	2,090.00	2,193.94	95.26
3	Doanh thu (tỷ đồng)	523.71	413.23	375.37	653.50	1,965.82	2,582.26	76.13
3.1	Doanh thu từ sản xuất điện (tỷ đồng)	523.14	412.56	374.69	652.83	1,963.22	2,571.34	76.35
3.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính và dịch vụ khác (tỷ đồng)	0.57	0.68	0.68	0.68	2.60	10.92	23.78
4	Tổng chi phí (tỷ đồng)	365.91	337.63	333.29	372.29	1,409.13	1,489.83	94.58
4.1	Chi phí sản xuất điện (tỷ đồng)	263.87	252.70	247.66	286.10	1,050.33	1,073.02	97.88

4.2	Chi phí tài chính và khác (tỷ đồng)	102.04	84.93	85.64	86.19	358.80	416.81	86.08
5	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	157.80	75.60	42.07	281.21	556.69	1,092.43	50.96
6	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	141.86	64.25	34.75	264.38	505.24	993.99	50.83

B. Tình hình tài chính:

Với kết quả sản xuất kinh doanh như trên, theo kết quả Báo cáo tài chính năm 2023 phát hành ngày 05/3/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Ernst & Young, các chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2023 như sau:

I. Các chỉ tiêu về tình hình tài chính năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch 2023/2022
a	b	c	d	e	f=d-e
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	9.533,19	9.710,32	(177,13)
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	4.594,86	5.026,37	(431,51)
3	ROE (Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH)	%	20,66%	27,99%	(0,07)
4	ROA (Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản)	%	10,33%	12,82%	(0,02)
5	Tổng nợ phải trả, trong đó	Tỷ đồng	4.938,33	4.683,95	254,38
	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	1.193,99	567,66	626,33
	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	3.744,34	4.116,28	(371,94)
6	Hệ số nợ /Vốn CSH	Lần	1,07	0,93	0,14
7	Tỷ lệ thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ NH)	Lần	1,22	1,89	(0,67)
8	Tỷ lệ thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/Nợ NH	Lần	1,14	1,71	(0,57)
9	Giá trị sổ sách	đồng/CP	19.450	21.276	(1.826)
10	EPS /Thu nhập mỗi cổ phiếu	đồng/CP	4.208	5.320	(1.112)

Năm 2023 ROE đạt 20,66% (giảm 7,33% so với năm 2022), ROA đạt 10,33% (giảm 2,49% so với 2022);

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty là 1,07 tăng 0,14 so với cùng kỳ năm trước; nợ dài hạn giảm do VSH đã hoàn thành việc mua lại trước hạn gói trái phiếu VSH_BOND_2019 (Tổng giá trị 700 tỷ đồng, năm 2023 mua lại 191 tỷ đồng), nợ ngắn hạn tăng do VSH trích lập tạm ứng 30% cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết số 1511/NQ-HĐQT ngày 19/12/2023.

Khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty là 1,22 giảm 0,67 so với cùng kỳ năm trước.

Giá trị sổ sách của cổ phiếu VSH tại ngày 31/12/2023: 19.450 đồng/Cổ phiếu (Ngày 31/12/2022: 21.276 đồng/Cổ phiếu); giá trị thị trường của cổ phiếu

VSH tại ngày 31/12/2023: 44.800 đồng/Cổ phiếu (Ngày 31/12/2022: 31.600 đồng/Cổ phiếu).

Năm 2023 Công ty đã hoàn thành thanh toán 30% cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông theo Nghị quyết số 367/NQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 29/3/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Tình hình tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đang gặp khó khăn, nên vấn đề thu nợ tiền điện hiện đang bị chậm so với kế hoạch. Tại ngày 31/12/2023, VSH vẫn chưa được thanh toán công nợ giữ lại năm 2022 tương ứng với số tiền 221,16 tỷ đồng và công nợ năm 2023 là 949,86 tỷ đồng (tổng công nợ 2023 là 1.171,03 tỷ đồng, tăng 375,74 tỷ đồng với so với công nợ tại ngày 31/12/2022).

II. Kế hoạch tài chính năm 2024

Cùng với kế hoạch đẩy mạnh công tác vận hành an toàn, hiệu quả các nhà máy điện; chào giá bán điện phù hợp với tình hình thị trường điện cạnh tranh; Công ty sẽ tiếp tục đàm phán với các Ngân hàng để được giảm lãi suất vay, thực hiện tái cấu trúc nợ vay Dự án Thượng Kon Tum đối với những khoản vay có lãi suất cao nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh xin chân thành cảm ơn Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông và các thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian qua đã có nhiều đóng góp, chỉ đạo Ban điều hành để Công ty vượt qua khó khăn, đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định và đạt hiệu quả cao.

Xin trân trọng cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thanh

